

Số: 212/BC-UBND

Đoàn Kết, ngày 15 tháng 9 năm 2023

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III,  
phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2023**  
(Số liệu tính từ ngày 10/6/2023 đến ngày 09/9/2023)

### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

#### 1. Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính

- Quý III năm 2023 công tác cải cách hành chính tiếp tục được cấp ủy Đảng, chính quyền xã Đoàn Kết quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt và toàn diện các nhiệm vụ trong kế hoạch như: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số để không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác cải cách hành chính.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch: Theo kế hoạch có 29 nhiệm vụ chính với 35 hoạt động cụ thể. Tính đến thời điểm 09/9/2023 đã hoàn thành 26/29 nhiệm vụ mà kế hoạch đã đề ra từ đầu năm (đạt 90%).

#### 2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Xác định chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính là một trong các giải pháp trọng tâm, UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong kế hoạch cải cách hành chính, phân công trách nhiệm, quy định mối quan hệ phối hợp của bộ phận nhằm bảo đảm cho việc quản lý, điều hành công tác cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Ngoài ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 để triển khai, thực hiện, trong quý III năm 2023, UBND xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực làm cơ sở triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trên địa bàn, cụ thể:

+ Thông báo 209/TB-UBND ngày 30/8/2023 V/v công khai danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết UBND xã.

+ Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 17/7/2023 thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 04/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã Đoàn Kết.

+ Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 10/9/2023 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023

+ Quyết định 47/QĐ-UBND ngày 10/9/2023 V/v thành lập Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023

+ Các Quyết định, công văn, kế hoạch đôn đốc triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015,...

### **3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính**

Nhằm đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện các nội dung của công tác cải cách hành chính, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 10/9/2023 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023. Thành lập tổ kiểm tra và tiến hành tự kiểm tra công tác CCHC dự kiến vào ngày 28/9/2023.

### **4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

- Đài truyền thanh xã tiếp tục duy trì phát sóng thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Xã thường xuyên kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử; niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, sử dụng có hiệu quả tiện ích của các mạng xã hội có nhiều người sử dụng (Zalo, Facebook,...) để tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin chính sách, quy định mới và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin một cách nhanh nhất.

- Trong quý III năm 2023 đã phát 3 tin bài trên hệ thống đài truyền thanh; đăng tải 02 tin bài trên Trang thông tin điện tử xã.

### **5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao**

Quý III năm 2023, UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu việc tổ chức triển khai thực hiện theo quy định 41 nhiệm vụ đã và đang thực hiện nhiệm vụ mà UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Việc ban hành các văn bản của HĐND, UBND xã được triển khai theo đúng quy định từng bước nâng cao chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao. Từ ngày 10/6/2023 đến ngày 09/9/2023, HĐND và UBND xã đã ban hành 89 văn bản các loại, không có văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 09/03/2023 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2023. Đến nay, chưa phát hiện có văn bản trái với quy định của pháp luật, một số văn bản chủ yếu sai về thể thức, kỹ thuật trình bày nên đã đề nghị tự sửa đổi cho đúng theo quy định.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật được gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật và thực hiện ngày càng nền nếp theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10/02/2023 thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023, chú trọng theo dõi thi hành pháp luật

về xử lý VPHC, Bộ Luật lao động năm 2019; Luật Việc làm năm 2013; các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất, đời sống quy định tại Điều 15 của Luật Giá năm 2012,

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Quý III năm 2023, xã đã tổ chức 3 buổi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức như: hội nghị lồng ghép, tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh... cùng nhiều hình thức tuyên truyền trực quan khác như: treo pano, apphich, băng rôn, khẩu hiệu tại các trục đường chính, nhà văn hóa các khu dân cư và các địa điểm tập trung đông người đã góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động tuyên truyền.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục thực hiện tốt công việc đột phá năm 2023 theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/02/2023 đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách TTHC trên địa bàn xã năm 2023.

Duy trì hằng tháng bộ phận một cửa tổ chức họp giao ban. Tổ chức họp, quán triệt triển khai kịp thời các nhiệm vụ đột xuất theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tế tại địa phương.

### *a. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính*

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023 trên địa bàn xã và Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/02/2023 rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2023; tiến hành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo nội dung kế hoạch đã đề ra; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với các bộ phận, đơn vị trong việc xây dựng văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ; kiểm soát việc thực hiện công bố thủ tục hành chính; rà soát các quy định hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất cải tiến thủ tục hành chính. Thực hiện công tác báo cáo kết quả kiểm soát TTHC hằng quý theo các biểu mẫu quy định và cập nhật trên phần mềm báo cáo chính phủ đảm bảo đúng thường gian theo quy định.

- Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính; nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công tác kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin báo cáo.

- Trong quý III năm 2023, UBND xã không nhận được trường hợp khiếu nại cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

### *b. Về công bố, công khai thủ tục hành chính*

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố gồm 139 thủ tục; trong đó TTHC được công khai: 139 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã: 139 thủ tục;
- Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, UBND xã đã ban hành và triển khai việc thực hiện liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ mai táng phí; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã tiếp tục công khai đầy đủ bộ thủ tục hành chính và kịp thời niêm yết các thủ tục hành chính khi có sửa đổi, bổ sung của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết, mức thu phí, lệ phí, đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kèm theo mã QR-code và trên Trang thông tin điện tử xã giúp cho tổ chức, cá nhân dễ dàng tìm hiểu và thực hiện khi có yêu cầu, cụ thể như sau:

- Môi quan hệ giữa bộ phận chuyên môn với tổ chức, công dân được cải thiện, thông qua các biện pháp như cải cách TTHC gắn liền với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về TTHC; TTHC được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và các tổ chức.

*c. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

Tiếp tục duy trì nề nếp thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định: có 139/139 TTHC (tỷ lệ 100%) được đưa vào thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Tính từ ngày 10/6/2023 đến 09/9/2023, Bộ phận Một cửa UBND xã Đoàn Kết đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 656 hồ sơ, gồm:

- Số mới tiếp nhận trong kỳ: 654 hồ sơ. Trong đó: số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 639 hồ sơ, chiếm 97,7%; số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: 15 hồ sơ, chiếm 2,3%:

- + Lĩnh vực Hộ tịch: 107 hồ sơ (trong đó: tiếp nhận online: 97 hồ sơ);

- + Lĩnh vực Chứng thực: 508 hồ sơ (trong đó: online: 508 hồ sơ);

- + Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 34 hồ sơ (trong đó: online: 34 hồ sơ);

- + Lĩnh vực NCC: 07 hồ sơ (trong đó: online: 0 hồ sơ);

- Số từ kỳ trước chuyển qua: 02 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết: 652 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 648 hồ sơ, chiếm 99,4%, đúng hạn: 4 hồ sơ, chiếm 0,6%, quá hạn: 0 hồ sơ, chiếm 0%;

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 3. trong đó, trong hạn: 3, quá hạn: 0.

Có 656 hồ sơ đạt 100% hồ sơ đã được cập nhật lên phần mềm một cửa dùng chung của tỉnh Hải Dương.

- Tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm việc lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của người dân trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo kế hoạch đề ra, có hòm tiếp nhận phiếu đánh giá của người dân (bằng phiếu giấy) mỗi tháng mở hòm tổng hợp 01 lần khi đến giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa xã. Kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân đến giao dịch: Tổng số phiếu đánh giá: 218

phiếu. Trong đó: mức độ rất hài lòng: 105 phiếu, chiếm 48,17%; mức độ hài lòng 113 phiếu, chiếm 51,83%.

- Duy trì công tác triển khai công tác thu phí, lệ phí trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia trong giải quyết TTHC. Kết quả: Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 578 hồ sơ.

Kết quả triển khai thực hiện quy trình liên thông điện tử đối với 02 nhóm thủ tục thiết yếu. Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/9/2023

Công an xã tiếp nhận và giải quyết 295 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tuyến  $290/295=98,3\%$ , trực tiếp  $05/295=1,7\%$ ; Phối hợp với Công chức Tư pháp – hộ tịch thực hiện 02 nhóm dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí” và “Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi theo hướng dẫn.

- Lĩnh vực Quân sự: Tiếp nhận và giải quyết 563 hồ sơ theo quy định.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại xã được đầu tư cơ bản và hiện đại đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- UBND xã thực hiện chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định của tỉnh, của huyện; thực hiện tốt các quy chế của cơ quan như Quy chế làm việc; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan UBND xã; Quy chế thi đua, khen thưởng,... Việc quản lý biên chế hành chính đã thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quý III, xã có 01 đồng chí cán bộ hợp đồng Tư pháp - Hộ tịch thi đỗ công chức và có quyết định tuyển dụng từ ngày 01/9/2023. Hiện nay tổng số cán bộ, công chức UBND xã có 19 người: Cán bộ: 10, Công chức: 9. Trong đó: Trình độ chuyên môn Đại học: 17, Trung cấp: 02; Lý luận chính trị: Trung cấp: 16, Sơ cấp: 03.

- UBND xã đã triển khai, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách theo đúng quy định về số lượng tại Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND, cụ thể: người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 11 người, đảm nhiệm 19 chức danh. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn là 10 người. Người hưởng mức bồi dưỡng trực tiếp tham gia công việc ở khu dân cư là 10 người. Trong quý III, đồng chí Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh xã từ trần nên Hội Cựu chiến binh xã đã tổ chức hội nghị bầu Phó Chủ tịch Hội. Đồng chí Phạm Quốc Tuấn - Phó Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã được Hội CCB xã bầu giữ Chức Phó Chủ tịch Hội CCB xã Đoàn Kết nhiệm kỳ 2022 - 2027. Chỉ đạo thôn Thủ Pháp tổ chức hội nghị hiệp thương bầu cử chức danh Trưởng thôn nhiệm kỳ 2022 - 2025. Đồng chí Nguyễn Văn Nửa được cử tri và nhân dân thôn Thủ Pháp giới thiệu ứng cử bầu chức danh Trưởng thôn Thủ Pháp với sự tín nhiệm cao.

- Thực hiện tốt việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, công vụ, cán bộ, công chức, lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý đất đai nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa xã với chính quyền các cấp gắn với hoàn thiện

hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo.

- Thực hiện nghiêm túc các kế hoạch của huyện, của xã về thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 Khóa XII của BCH TW Đảng.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Hiện nay, việc sắp xếp, bố trí số lượng, chất lượng cán bộ, công chức đúng số lượng theo quy định của pháp luật. Tính đến nay, tổng số cán bộ, công chức xã được giao 20 người, hiện có mặt 19 người, trong đó: cán bộ có 10 người, công chức 09 người. Số lượng cán bộ đạt chuẩn có 08/10 người, đạt 80%; không đạt chuẩn 02/10 người chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng công chức đạt chuẩn 09/09 người, đạt 100%. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được chuẩn hóa về mặt chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào phần mềm quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác. Hoàn thành 100% việc đồng bộ hồ sơ CBCC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Quý III năm 2023 UBND đã chọn cử 07 lượt cán bộ công chức đi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

- Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng chính phủ, UBND xã đã Công văn số 25/UBND-VP ngày 10/03/2023 về việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ năm 2023 chỉ đạo chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc UBND xã.

#### **5. Cải cách tài chính công**

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đã tăng tính công khai minh bạch, công khai, dân chủ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác; tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, đồng thời giúp UBND xã chủ động hơn trong sử dụng kinh phí, đáp ứng kịp thời những yêu cầu của công tác chuyên môn.

- Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND xã tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 theo đúng quy định

- Việc rà soát xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan,

đơn vị: UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc sử dụng biên chế, kinh phí nhà nước, mua sắm, sửa chữa, văn phòng phẩm... và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách tính đến 09/9/2023:

Tổng thu: 8.444.327.837 đồng.

Tổng chi: 5.422.405.755 đồng

- Tình hình nợ XDCB tính đến 09/9/2023: 12 tỷ 637 triệu đồng

- Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công tính đến 09/9/2023: 2.043.000.000 đồng

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 31/12/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Đoàn Kết năm 2023, Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/02/2023 đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách TTHC trên địa bàn xã năm 2023; triển khai thực hiện và từng bước nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ điều hành tác nghiệp tại UBND xã và tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cán bộ, công chức và đã có sự chuyển biến tích cực trong việc đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục duy trì mạng diện rộng (WAN) kết nối các cơ quan nhà nước. 100% các phòng làm việc có mạng nội bộ kết nối Internet cáp quang tốc độ cao. 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính đáp ứng nhu cầu làm việc.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Duy trì sử dụng hiệu quả các ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ về tài chính - kế toán, quản lý tài sản, quản lý hộ tịch dân cư, quản lý người có công, quản lý tài nguyên môi trường... đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc; triển khai thực hiện hiệu quả cơ sở dữ liệu của các ngành như: cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức; cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư;....

- UBND xã tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Luật Cư trú, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, quán triệt đến các cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị về việc không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên trang thông tin điện tử xã, qua hệ thống đài truyền thanh. Bên cạnh đó đã niêm yết công khai 07 phương thức khai thác thông tin về cư trú của công dân tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và một số nơi dễ nhận biết để người dân dễ tham khảo và sử dụng.

- Bên cạnh đó UBND xã đã chỉ đạo Công an xã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể và các thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tiện ích của việc

tạo tài khoản định danh điện tử, tài khoản dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Cung cấp các tài liệu hướng dẫn để thực hiện tạo tài khoản định danh điện tử, tài khoản dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên phối hợp với Tổ trưởng Tổ công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 về tại thôn để giúp người dân tạo tài khoản định danh điện tử, cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử, đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến.

- Bố trí trang thiết bị để thực hiện các phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân thay thế cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi giải quyết thủ tục hành chính (*đăng ký tài khoản của cán bộ, công chức, viên chức; hệ thống phần mềm kết nối với CSDLQG về DC; máy tính có kết nối mạng để tra cứu thông tin dân cư; chuẩn bị nội dung hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử tra cứu cung cấp thông tin cư trú; ...*).

- Tình hình sử dụng phần mềm dùng chung:

+ Chữ ký số: UBND thực hiện chữ ký số 100%; công chức Văn phòng HĐND-UBND xã làm đầu mối quản lý việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại UBND. Việc quản lý và sử dụng Chữ ký số được thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng.

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện thường xuyên. Trong quý III năm 2023 đã tiếp nhận và xử lý 475 văn bản đến; đăng ký và ban hành 86 văn bản đi (đạt 100%) được gửi qua mạng.

+ Phần mềm hóa đơn điện tử: Duy trì thực hiện tốt công tác sử dụng hóa đơn điện tử trong thu phí, lệ phí trong giải quyết TTHC theo quy định

+ Trang thông tin điện tử của xã: hoạt động ổn định, cung cấp tin bài thường xuyên và có sự tham gia của các bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã; đảm bảo đúng tiêu chí Chính quyền điện tử cấp xã.

+ Tình hình thực hiện ISO 9001:2015: tiếp tục thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/03/2023 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Lãnh đạo xã quyết tâm thực hiện công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều được quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch thủ tục hành chính; các thủ tục



hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết đều được niêm yết công khai, minh bạch tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã; trên Trang thông tin điện tử để thuận tiện cho người dân truy cập.

- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức; Ban biên tập trang thông tin điện tử xã cập nhật nhiều tin bài về cải cách hành chính để người dân, tổ chức có thể nắm bắt và hiểu rõ hơn về công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đều đạt ở mức cao trên 99%; 100% hồ sơ của tổ chức, công dân khi hoàn thành được hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng trực tuyến tại hệ thống Dịch vụ công; trên 99% hồ sơ đạt mức “hài lòng” và “rất hài lòng”, chỉ có 1 hồ sơ được đánh giá mức độ “bình thường”. Không có hồ sơ đánh giá ở mức độ “không hài lòng”.

## **2. Hạn chế**

- Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong việc trao đổi văn bản quản lý nhà nước chưa cao.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng giải quyết công việc trên môi trường số của cán bộ, công chức có mặt còn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc.

## **3. Nguyên nhân của hạn chế**

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều, một số công chức còn thiếu chuyên nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để đổi mới phương thức làm việc, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Do thói quen, trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân trên địa bàn xã còn nhiều khó khăn để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2023**

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đã đề ra.

- Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây có khăn đối với tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính. Chú trọng việc giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, không để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn.

- Tiếp tục duy trì công tác tổ chức thu phí, lệ phí trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia trong giải quyết thủ tục hành chính. Phấn đấu tỷ lệ thu phí, lệ phí trực tuyến đạt 100% tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết có thu phí, lệ phí theo quy định.

- Chú trọng trong việc tuyên truyền vận động các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử, những nơi tiếp xúc với tổ chức, công dân, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan chuyên môn. Triển khai thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại UBND xã.

- Tổ chức thực hiện công tác chấm điểm cải cách hành chính năm 2023.

- Tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ công chức theo các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của cấp trên.

- Tiếp tục ban hành và cập nhật đầy đủ các quy trình ISO, đảm bảo 100% TTHC được xây dựng quy trình và công bố. Theo dõi và cập nhật, xử lý ý kiến chỉ đạo của UBND huyện giao trên phần mềm đúng quy trình.

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về cải cách hành chính để nâng cao kỹ năng thực hiện cải cách hành chính; thường xuyên mở lớp tập huấn cho công chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Đề nghị đẩy nhanh việc đồng bộ giữa Cơ sở DLQG về DC với các dữ liệu chuyên ngành để thực hiện tốt việc khai thác, sử dụng

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2023 của UBND xã Đoàn Kết./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng Nội vụ;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công chức UBND;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Xuân Luân**

**PHỤ LỤC****Thống kê kết quả thực hiện công tác CHCC quý III năm 2023***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2023)***Biểu mẫu 1****Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	10	
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	90	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>		0	
3.1.	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Phòng, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%		
3.3.1.	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>		
3.3.2.	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>		
<b>4.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b>			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	41	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	41	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>5.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	281	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
<b>6.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành</b>			
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>	<b>Thủ tục</b>	139	
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	3	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	139	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (UBND: 139 TTHC; CA : 11 TTHC, QS: 7 TTHC)	Thủ tục	157	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	3	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	28	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	652	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	652	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách bộ máy hành chính nhà nước**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số công chức (huyện và xã) bị kỷ luật	Người	0	
4.5.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	272	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	750	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.043	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		0	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		



**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		339	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	100	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	75	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	75	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	16	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	44	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	44	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	7	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	119	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	119	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	98.17	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	654	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	639	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	51	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	51	